

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 04 /2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Huế, ngày 07 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống
trên địa bàn thành phố Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở
số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các
tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;*

*Xét Tờ trình số 14035/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh
ban hành chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên
địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Huế theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, công tác dân tộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.



Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện thực hiện

1. Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, không chồng chéo, phát huy tinh thần vươn lên của người đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng để bảo đảm ổn định nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Cá nhân được giao đất, cho thuê đất thuộc đối tượng miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải thường trú tại địa phương nơi có đất được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất và phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Trong quá trình thực hiện chính sách nếu có văn bản khác quy định cùng một chính sách hỗ trợ cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thì người sử dụng đất chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ với mức cao nhất trong các chính sách hiện hành.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để đảm bảo ổn định cuộc sống

1. Đối tượng cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu về giao đất ở, đất nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở, cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất kinh doanh, như sau:

a) Giao đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất;

b) Giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai và không thu tiền sử dụng đất;

c) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất;

d) Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt để sản xuất, kinh doanh và được miễn tiền thuê đất.

2. Trong quá trình lập phương án hỗ trợ đất đai Ủy ban nhân dân cấp huyện phải sắp xếp thứ tự ưu tiên hỗ trợ đất đai cho các cá nhân thuộc diện hộ nghèo không có đất ở, đất sản xuất trước đến các cá nhân hộ cận nghèo không có đất ở, đất sản xuất.

Điều 4. Về kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính; phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị quyết này được miễn phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính; miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 5. Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được bố trí từ các quỹ đất sau:

1. Quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý là đất chưa giao, chưa cho thuê hoặc đã được giao đất để quản lý.
2. Quỹ đất thu hồi để giao Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất để quản lý phân diện tích đất do các nông, lâm trường bàn giao.
3. Quỹ đất thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.
4. Quỹ đất nông nghiệp hiện có của cá nhân để chuyển mục đích sang đất ở theo chính sách hỗ trợ đất ở.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, đánh giá quỹ đất do công ty lâm nghiệp, các nông, lâm trường bàn giao để thực hiện chính sách này theo đúng quy định pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 21 thông qua ngày 07 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

